

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-PT  
Ngày 24 - 01 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1088/2020/TLPT-HS ngày 02/12/2020 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Sĩ A, Bàn Phúc A1, Bàn Tồn A2 và Nguyễn Văn A3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020-/HS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

\* *Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Nguyễn Sĩ A**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 04/3/1990 tại Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Thôn B5, xã B3, huyện B3, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ A4 và bà Nguyễn Thị A5; vợ Nguyễn Thị A6 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Bàn Phúc A1**, tên gọi khác: Bàn Tồn A1; sinh ngày 16/10/1985, tại Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn B6, xã B7, huyện B, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Tài A7 và con bà Lý Thị A8; có vợ là Đặng Thị A9 và có 02 con; con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại vắng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**3. Bàn Tòn A2**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 04/12/1994 tại Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn B6, xã B7, huyện B, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn A10 và con bà Lý Thị A11; có vợ là Vũ Thị A12 và có 02 con; con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Văn A3**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13/02/1989 tại Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Thôn B9, phường B8, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A13 và con bà Nguyễn Thị A14; có vợ là Đào Thị A15 và có 03 con; con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sĩ A:*

- Bà Chu Thị A16, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Ông Giáp Tuấn A17, Luật sư Công ty TNHH A17, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang, có mặt.

*\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A3:* Ông Giáp Tuấn A17, Luật sư Công ty TNHH A17, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang, có mặt.

*\* Người bào chữa cho bị cáo Bàn Phúc A1, Bàn Tòn A2:* Ông Đinh Gia A18, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt.

*\* Những bị hại có kháng cáo:*

1. Bàn Phúc A1 (cũng là bị cáo trong vụ án)

2. Bàn Tòn A2 (cũng là bị cáo trong vụ án)

*\* Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 07/10/2019, Nguyễn Sĩ A cùng bạn là Nguyễn Văn A3 đến nhà ông Nguyễn Sỹ A4 (là bố Nguyễn Sĩ A) chơi; tại đây A và A3 nghe ông A4 kể chuyện đã bị Bàn Tòn A2 (là người cùng thôn) chửi, nên khoảng 19 giờ ngày 08/10/2019, Nguyễn Sĩ A rủ Nguyễn Văn A3 đến nhà A2 để nói chuyện việc A2

chửi ông A4. Tại nhà A2 giữa A và A2 (sinh năm 1994) đã có lời quan tiếng lại, nên vợ của A2 là Vũ Thị A12 đã gọi điện cho Bàn Tồn A2 (sinh năm 1988) và Bàn Phúc A1 đến để can ngăn; khi đến nơi Bàn Phúc A1 xông vào nên giữa A1 và A đấm nhau thì được Bàn Tồn A2 và Nguyễn Văn A3 can ngăn; A1 liền chạy xuống gian bếp lấy 01 con dao (dài khoảng 37,4cm, chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại) chạy lên phòng khách; A cũng nhặt 01 con dao (dài khoảng 37cm, chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại) đang để sẵn trên bàn. A và A1 lao vào chém nhau; A1 chém A 01 nhát trượt vào cánh tay trái xuống vùng ngực trái của A; A chém A1 01 nhát trúng vào thái dương bên trái; A1 chém tiếp 01 nhát vào cẳng tay phải của A làm dao của A1 rơi xuống nền nhà, nên A1 bỏ chạy xuống bếp. Thấy vậy Bàn Tồn A2 (sinh năm 1994) nhặt con dao do A1 vừa làm rơi để chém A; nhưng khi A2 vừa nhặt được dao chưa kịp đứng thẳng người lên thì bị A chém liên tiếp 03 nhát trúng vào tay trái, vào mồm vai trái và vào đỉnh đầu; A2 chém lại A 02 nhát trúng vào tay trái và vào vùng ngực, xong A2 quay người định chạy thì A chém tiếp 01 nhát trúng vào vùng lưng A2. Sau đó Nguyễn Sĩ A cầm dao cùng với Nguyễn Văn A3 bỏ chạy khỏi nhà chị A12, đến nhà chị Bàn Thị A19 mượn 01 xe máy, Nguyễn Sĩ A điều khiển xe máy chở Nguyễn Văn A3 về hướng thành phố Yên Bái; khi đến khu vực xã B1, huyện B, tỉnh Yên Bái, Nguyễn Văn A3 bảo với A sau đó tự cầm con dao vút xuống ruộng ven đường, nhằm trốn tránh sự phát hiện; sau đó A3 điều khiển xe máy chở A đến Trạm y tế xã B2, thành phố Yên Bái khâu vết thương; sau đó A3 tiếp tục chở A đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái gửi xe máy và thuê xe taxi cùng A đi về tỉnh Bắc Ninh trốn.

Đối với Bàn Phúc A1 và Bàn Tồn A2 sau đó được mọi người đưa đến Bệnh viện chữa trị.

Tại Bản kết luận giám định số 125/TgT ngày 18/11/2019 của Trung tâm Giám định pháp y tỉnh Yên Bái kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Bàn Phúc A1 tại thời điểm giám định là 28%.

Tại Bản kết luận giám định số 126/TgT ngày 15/11/2019 của Trung tâm Giám định pháp y tỉnh Yên Bái kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Bàn Tồn A2 tại thời điểm giám định là 22%.

Tại Bản kết luận giám định số 130/TgT ngày 20/11/2019 và công văn số 06 ngày 24/02/2020 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Yên Bái kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm sức khỏe bị tổn hại của Nguyễn Sĩ A là 10% (trong đó: Sẹo cẳng tay phải 5%; 01 sẹo vùng ngực trái 01%; sẹo vùng tay trái 01% và sẹo bàn tay trái 2%; sẹo vùng ngực phải 01%).

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST, ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sĩ A phạm tội “Giết người”; bị cáo Bàn Phúc A1 (Bàn Tồn A1) và bị cáo Bàn Tồn A2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Nguyễn Văn A3 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Sĩ A 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/10/2019.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bàn Phúc A1 (tên gọi khác: Bàn Tồn A1) 02 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bàn Tồn A2 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 18 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A3 01 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, 468, 584, 585, 591 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Sĩ A phải bồi thường tiếp cho bị cáo Bàn Phúc A1 số tiền là 6.665.500đ, bồi thường tiếp cho bị cáo Bàn Tồn A2 số tiền là 9.350.000đ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, buộc nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, buộc nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/11/2020 bị cáo Bàn Phúc A1 và Bàn Tồn A2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin cải tạo tại địa phương và đề nghị tăng mức bồi thường dân sự; ngày 10/11/2020 bị cáo Nguyễn Văn A3 có đơn kháng cáo kêu oan, đề nghị hủy bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án; ngày 12/11/2020 bị cáo Nguyễn Sĩ A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo A1, A2, A3 giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo A thay đổi nội dung kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội giết người, hành vi của bị cáo là phòng vệ chính đáng do vượt quá.

- Bị cáo Nguyễn Sĩ A trình bày: Về cơ bản hành vi của bị cáo đã được mô tả như bản án sơ thẩm là đúng; nhưng mục đích của bị cáo đến nhà Bàn Tồn A2 là để nói chuyện giảng hòa giữa bị cáo A2 với bố bị cáo A do A3 rủ bị cáo đi; khi đến nhà A2 thấy gia đình đang ăn cơm nên bị cáo bảo bị cáo A2 ăn cơm xong sẽ nói chuyện và bị cáo ngồi ở bàn uống nước chờ thì vợ A2 đã gọi điện cho Bàn Phúc A1 và Bàn Tồn A2 (sinh năm 1988) đến. Khi đến nơi A1 đã lao vào dùng tay không đánh bị cáo, sau khi được mọi người can ngăn thì A1 đã chạy xuống bếp lấy dao lao vào chém bị cáo trước, nên bị cáo đã nghiêng người né tránh thì phát hiện thấy con dao trên bàn, bị cáo đã lấy chém lại A1; A1 tiếp tục lao vào chém bị cáo làm rơi dao nên A2 nhặt dao lên chém bị cáo, bị cáo mới dùng dao chém lại bị cáo A2.

- Bị cáo Bàn Tồn A2 trình bày: Bị cáo thấy Tòa án tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” với mức án 01 năm 06 tháng tù và buộc bị cáo

A phải bồi thường cho bị cáo số tiền quá thấp, chưa thỏa đáng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo cải tạo tại địa phương và tăng mức bồi thường dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn A3 trình bày: Bị cáo thừa nhận mình có chứng kiến việc đánh nhau giữa A với A1, A2; nhưng bị cáo không nhận thức được đó là vụ án giết người vì cả hai bên đều bị thương tích; sau khi vụ án xảy ra bị cáo phải đi theo A và A đã mượn được xe máy đèo bị cáo, khi đi được khoảng 10km thì do A bị thương nặng nên bị cáo phải đèo A đi cấp cứu tại trạm y tế, sau đó đến Bệnh viện nhưng do cả hai không mang theo tiền nên không vào viện điều trị mà bắt taxi về nhà; quá trình đi do A bị thương trên người nhiều máu, nên nếu A mang theo con dao gây án sợ bị phát hiện, hiểu nhầm là người không tốt nên bị cáo đã bảo A vứt dao xuống ven đường, do A đồng ý nên bị cáo mới vứt hoàn toàn không nhằm mục đích che giấu tội phạm; đến 10 giờ ngày 09/10/2019 khi Điều tra viên đến nhà gặp bị cáo, chính bị cáo đã dẫn các Điều tra viên đến nhà A để làm việc. Do đó, bị cáo hoàn toàn không có hình vi che dấu tội phạm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá hành vi phạm tội thấy cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo Nguyễn Sĩ A về tội “Giết người”; các bị cáo Bàn Phúc A1 và Bàn Tồn A2 về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Nguyễn Văn A3 về tội “Che dấu tội phạm” là có căn cứ, đúng pháp luật không oan; khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là phù hợp; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo A, A1, A3. Đối với bị cáo A2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự, bản án sơ thẩm đã xem xét đủ các chi phí thực tế, hợp lý và xác định đúng lỗi của các bị cáo, nên với mức bản án sơ thẩm quyết định là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo A1 và A2.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo A, A1, A3, giữ nguyên bản án sơ thẩm; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo A2, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

*\* Những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sĩ A trình bày quan điểm:*

- Bà Chu Thị A16 trình bày: Căn cứ bản án sơ thẩm thì thấy việc phán quyết chưa công bằng; giữa bị cáo A và bị cáo A1 không có mâu thuẫn gì, nhưng A1 đã vô cớ lao đến đánh A trước và đã lấy dao chém A nhiều nhát; sau đó bị cáo A2 tiếp tục nhát dao lên chém A; A1 là người chủ động; việc A chém lại A1, A2 là tương xứng với hành vi của A1, A2. Bởi vì, nếu A không có phản xạ nhanh sẽ nguy hiểm đến tính mạng nhưng A lại bị quy kết về tội giết người,

còn A1, A2 chỉ bị quy kết tội cố ý gây thương tích, nên A không phạm tội giết người. Hơn nữa, xét về tương quan lực lượng thì phía bị cáo A yếu thế hơn vì A là người ở nơi khác đến và chỉ có A và A3, còn phía A1 là người bản địa, ngoài A1 còn có A2 (sinh năm 1994), A2 (sinh năm 1988) và chị A12. Xét về hoàn cảnh của bị cáo A hết sức khó khăn bố mẹ đều đã già yếu, vợ đã ly hôn hiện đang phải nuôi hai con còn nhỏ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Bộ luật hình sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự; các nội dung khác nhất trí như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội.

- Luật sư Giáp Tuấn A17 trình bày: Nhất trí như ý kiến đã trình bày của bà Châu; việc A phạm tội xuất phát từ A2 mâu thuẫn với bố bị cáo A dẫn đến A phải đến nhà A2 để giảng hòa, nhưng đã bị A1 đánh sau đó bị chém. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo A2 khai báo không thành khẩn, vết chém trên đầu hình tròn nên không phù hợp với hung khí, chiếc áo của A mặc thể hiện dấu vết bị chém nhưng không được thu giữ theo quy định; hành vi vượt quá của A là có cơ sở. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm theo hướng như đề xuất của Luật sư Châu.

\* *Người bào chữa cho bị cáo A1, A2 trình bày:* Về tội danh, nhận định về các tình tiết giảm nhẹ của hai bị cáo nhất trí như bản án sơ thẩm nên không tranh luận gì. Đối với tình tiết có tính chất côn đồ của bị cáo A1 thấy không phù hợp, không công bằng. Vì hành vi giống với hành vi của bị cáo A, nhưng bị cáo A không bị áp dụng tình tiết có tính chất côn đồ, nhưng bị cáo A1 lại bị áp dụng, không phù hợp với án lệ của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. A1 chém A không vào những vùng trọng yếu. Cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là A đã can thiệp vào mối quan hệ giữa ông A4 (bố A) với bị cáo A2; bị cáo A đã đến nhà A2 có hành vi trái pháp luật, vào nhà người khác có thái độ không đúng mực. Khi A1 và A đánh nhau chính A2 là người can ngăn, nhưng do A chém A1 trước nên bị cáo A2 bức xúc dẫn đến cách hành động theo bản năng là nhặt dao lên để chém A. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của hai bị cáo hết sức khó khăn, là người dân tộc thiểu số nên giảm hình phạt cho các bị cáo và cho cả hai bị cáo cải tạo tại địa phương. Về trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ các chi phí hợp lý trong việc cứu chữa cho bị cáo A1 và A2, nhưng lại xác định cả hai bên đều có lỗi nên chỉ buộc bị cáo A chịu 50% chi phí là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định đúng quy định của pháp luật.

\* *Người bào chữa cho bị cáo A3 trình bày:* Xét về điều kiện, hoàn cảnh và địa điểm phạm tội thì cả hai bị cáo A và A3 phải tẩu thoát ngay nếu không sẽ nguy hiểm đến tính mạng; vì địa điểm xảy ra vụ án là vùng núi toàn người dân tộc Dao sinh sống; bị cáo A3 chỉ theo A vì A đã mượn xe để đèo A3 đi, khi đi được khoảng 10km do bị cáo A mất máu nhiều bị choáng, nên bị cáo A3 mới đèo A; việc rút con dao gây án là do lo sợ bị cho là người xấu, không có hành vi

tẩu tán, cản trở việc điều tra. Sau đó A và A3 đều về nhà và đến khoảng 10 giờ ngày hôm sau thì cơ quan Điều tra mời lên làm việc; bị cáo A3 đã phối hợp với cơ quan Điều tra để tìm lại được con dao. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo A3, sửa bản án sơ thẩm theo hướng miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bàn Phúc A1 vắng mặt và Tòa án nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của vợ bị cáo cho rằng bị cáo đang điều trị, nhưng không có căn cứ chứng minh. Xét bị cáo A1 chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt và được cải tạo tại địa phương, đề nghị tăng mức bồi thường dân sự; không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi cho bị cáo, bị cáo đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ; xét thấy việc vắng mặt của bị cáo tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù các bị cáo Nguyễn Sĩ A, Bàn Phúc A1, Bàn Tồn A2 thừa nhận có đánh nhau, nhưng lại cho rằng tội danh mà bản án sơ thẩm quy kết đối với các bị cáo không đúng. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, đối chiếu thấy phù hợp với lời khai tại phiên tòa phúc thẩm về diễn biến hành vi phạm tội; phù hợp với lời khai giữa các bị cáo với nhau, người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án; đặc biệt là vật chứng thu giữ được, cũng như các kết luận giám định; kết quả điều tra bổ sung. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Sau khi được ông A4 cho biết bị Bàn Tồn A2 chửi mình; khoảng 19 giờ ngày 08/10/2019, Nguyễn Sĩ A đã cùng với Nguyễn Văn A3 đến nhà Bàn Tồn A2 và chị Vũ Thị A12 để làm rõ sự việc A2 chửi ông A4; tại đây giữa A và A2 xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhau nên chị Vũ Thị A12 đã điện thoại cho Bàn Tồn A2 (sinh năm 1988) và Bàn Phúc A1 đến để can ngăn. Sau khi đến, giữa Bàn Phúc A1, Nguyễn Sĩ A xô xát nhau nhưng được mọi người can ngăn thì A1 và A mỗi người lấy 01 con dao của nhà chị A12 lao vào chém nhau; A1 đã chém 02 nhát vào cánh tay trái, ngực và cẳng tay phải của A, gây tổn hại sức khỏe cho A 07%; Nguyễn Sĩ A dùng dao chém 01 nhát trúng vào thái dương của Bàn Phúc A1 gây tổn hại sức khỏe cho A1 28%; quá trình chém nhau do A1 làm rơi dao nên Bàn Tồn A2 nhặt dao lên khi chưa kịp đứng thẳng người thì bị Nguyễn Sĩ A chém 03 nhát trúng vào vùng vai trái, vào mõm vai trái và vùng đỉnh đầu làm tổn hại sức khỏe cho Bàn Tồn A2 22%. Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Sĩ A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” được quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo cũng như Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo A chỉ phòng vệ chính đáng là không có căn cứ. Vì chính bị cáo là người chủ

động đến nhà Bàn Tồn A2 để gây sự; tại đây bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát vào những vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, rất có thể làm ảnh hưởng đến tính mạng của bị hại; những bị hại không chết là do được cấp cứu kịp thời. Do đó, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo về tội danh “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo Bàn Phúc A1 và Bàn Tồn A2 dùng dao là hung khí nguy hiểm chém trả lại A, nhưng chém vào những vùng ít gây nguy hiểm đến tính mạng hơn và thương tích của các vết thương do A1 và A2 chém A chỉ tổn hại tổng là 10%, nên hình vi của bị cáo Bàn Tồn A2 và Bàn Phúc A1 đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự; cấp sơ thẩm quy kết cả hai bị cáo với tội danh này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn A3 là người cùng thống nhất với A đi đến nhà A2 và chính bị cáo là người chứng kiến sự việc từ lúc xảy ra cho đến khi kết thúc; sau đó bị cáo đã cùng Nguyễn Sĩ A rời khỏi hiện trường và mượn xe máy để tẩu thoát; trên đường đi bị cáo cũng thừa nhận do sợ bị phát hiện là người xấu, nên đã bảo A rút con dao gây án, sau đó chính bị cáo là người rút con dao xuống dọc đường và cùng A đi đến Trung tâm y tế khâu vết thương. Sau khi xử lý vết thương, lẽ ra bị cáo phải đưa bị cáo A đến cơ quan có thẩm quyền để đầu thú, hoặc bị cáo phải liên hệ với cơ quan có thẩm quyền tố cáo hành vi phạm tội của bị cáo A; nhưng ngược lại bị cáo đã đèo A đến nhà xe bệnh viện để gửi xe máy và đón taxi đi về, đây là hành động nhằm che giấu sự phát hiện. Hơn nữa, trong quá trình điều tra bị cáo có nhiều lời khai khác nhau, nhằm mục đích che giấu tội phạm, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Che giấu tội phạm” cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo theo khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân; bị cáo A đã phạm tội đối với 02 người, nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; các bị cáo A1, A2 tuy chỉ gây thương tích cho Nguyễn Sĩ A 10%, nhưng các bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm để gây thương tích, ngoài ra bị cáo A1 không có mâu thuẫn gì với A nhưng đã gây thương tích cho A, nên cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với bị cáo A1 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với bị cáo A2 là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Sĩ A: Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tác động với gia đình bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại, bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt để

xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù là có phần nghiêm khắc. Bởi vì, khi bị cáo A đến nhà bị cáo A2 đang ăn cơm, bị cáo A đã ngồi ở bàn thì bị cáo A1 đi đến và lao vào dùng tay không đánh bị cáo trước, gây ức chế cho bị cáo; bị cáo cũng là bị hại trong vụ án và bị tổn hại 10% sức khỏe do bị cáo A1 và A2 gây nên; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương của bị cáo Bàn Phúc A1 và Bàn Tồn A2, thấy: Tòa án cấp phúc thẩm đồng tình với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về tính chất, hình vi phạm tội của cả hai bị cáo; cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Cả hai bị cáo đều khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt; nhưng trong vụ án này cả hai bị cáo vừa là bị hại cũng có một phần lỗi là đã gây thương tích cho Nguyễn Sĩ A; khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của cả hai bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là phù hợp, có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương của cả hai bị cáo.

[4.3] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A3: Như đã phân tích ở trên thì bị cáo không bị oan, cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là phù hợp; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4.4] Đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự của Bàn Phúc A1 và Bàn Tồn A2, thấy: Mặc dù cả hai bị cáo là bị hại trong vụ án giết người do bị cáo A gây ra, nhưng cả hai bị cáo chỉ bị thương tích; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các khoản chi phí thực tế, hợp lý mà hai bị cáo phải chi phí trong thời gian điều trị, theo đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này cả hai bị cáo cũng có lỗi là dùng dao chém Nguyễn Sĩ A, cấp sơ thẩm xác định phần lỗi của bị cáo A, cũng như A1, A2 để buộc bị cáo A phải có trách nhiệm bồi thường dân sự như bản án sơ thẩm là phù hợp, cả hai bị cáo cho rằng mức bồi thường này là thấp, nhưng lại không xuất trình được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Bị cáo A được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm, các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bàn Phúc A1, Bàn Tồn A2, Nguyễn Văn A3; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Sĩ A; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sĩ A phạm tội “Giết người”; các bị cáo Bàn Phúc A1, Bàn Tồn A2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Nguyễn Văn A3 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 57; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Sĩ A 10 (mười) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (12/10/2019).

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bàn Phúc A1 (Bàn Tồn A1) 02 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bàn Tồn A2 01 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 18 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A3 01 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, 348, 584, 585, 591 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Sĩ A tiếp tục bồi thường cho Bàn Phúc A1 (Bàn Tồn A1) số tiền 6.665.500đ (sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Buộc Nguyễn Sĩ A phải bồi thường tiếp cho Bàn Tồn A2 số tiền 9.350.000đ (chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo A còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bị cáo Bàn Phúc A1, Bàn Tồn A2, Nguyễn Văn A3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Sĩ A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái (04 bản);
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, CA tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái, Bắc Ninh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo A (qua trại tạm giam);
- Các bị cáo khác (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Thái Duy Nhiệm**